TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** TINH NINH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 6 - 2023
V/v tranh chấp "*Không công nhận là vợ chồng, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Các Hội Thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hường;
Ông Lê Quang Chính.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2022/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc "không công nhận là vợ chồng, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2023 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thùy T, sinh năm 1978 (có mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Trọng N, sinh năm 1977 (vắng mặt).
Cùng nơi cư trú: Khu phố x, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị Thùy T trình bày*:

Về hôn nhân: Bà với ông Huỳnh Trọng N tự nguyện và kết hôn với nhau vào năm 2002, nhưng không đi làm thủ tục đăng ký kết hôn, do ông, bà lo đi làm ăn nên không để ý đến thủ tục đăng ký kết hôn.

Qúa trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Huỳnh Trọng N thường hay nhậu nhẹt, về nhà kiếm chuyện chưỡi mắng, đánh đập bà, nhưng vì con chung bà cố gắng chịu đựng, để vun đắp hạnh phúc gia đình, nhưng ông Huỳnh Trọng N vẫn tính nào tật đó, thời gian gần đây vào tháng 5-2022 thì ông Huỳnh Trọng N đi biển về kêu bà ra chở về, nhưng do xe hư bà đi không được, bà kêu ông Nhân bắt xe ôm về, khi

ông Nhân về đến nhà thì giữa bà với ông Nhân xảy ra cãi nhau, ông Nhân đánh bà, bà phải bỏ đi thuê nhà trọ sống, từ đó cho đến nay bà với ông Huỳnh Trọng N sống ly thân không quan tâm đến nhau.

Nay bà thấy không còn tình cảm với ông Huỳnh Trọng N, nên yêu cầu không công nhận là vợ chồng với ông Huỳnh Trọng N.

Về con chung: Bà với ông Huỳnh Trọng N sống với nhau có 02 con chung tên Huỳnh Trọng N1, sinh ngày 26-8-2003 và Huỳnh Trọng Đ, sinh ngày 05-3-2015, đối với con chung Huỳnh Trọng N1 đã trưởng thành bà không yêu cầu giải quyết, còn đối với con chung Huỳnh Trọng Đ chưa trưởng thành, hiện đang sống với bà, bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Huỳnh Trọng N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* *Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Huỳnh Trọng N trình bày*:

Về hôn nhân: Ông với bà Lê Thị Thùy T tự nguyện và kết hôn với nhau vào năm 2002, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã P1, huyện T, hiện giấy đăng ký kết hôn bản chính là do lũ lụt nên bị thất lạc.

Qúa trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa ông với bà Trang có xảy ra cãi nhau, nên ông có bực tức đập phá và đốt vật dụng trong gia đình, rồi bà Lê Thị Thùy T tự ý bỏ gia đình ra đi, từ đó cho đến nay ông với Trang sống ly thân cho đến nay.

Nay bà Lê Thị Thùy T yêu cầu ly hôn với ông thì ông không đồng ý, ông yêu cầu được đoàn tụ với bà Lê Thị Thùy T, để cùng nuôi dạy con chung cho tốt.

Về con chung: Ông với bà Lê Thị Thùy T sống với nhau có 02 con chung tên Huỳnh Trọng N1, sinh ngày 26-8-2003 và Huỳnh Trọng Đ, sinh ngày 05-3-2015, đối với con chung Huỳnh Trọng N1 đã trưởng thành ông không yêu cầu giải quyết, còn đối với con chung Huỳnh Trọng Đ chưa trưởng thành, hiện đang sống với bà Trang, hiện con chung đã trên bảy tuổi thì ông tôn trọng ý kiến của con, nếu con chung muốn ở với bà Trang thì ông đồng ý giao cho bà Trang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, còn con chung muốn sống với ông thì ông đồng ý nuôi, không yêu cầu bà Trang cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến*:

Về thủ tục tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử (Hội đồng xét xử được viết tắt là HĐXX). Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án, đều đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147, Điều 246, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thùy T, không công nhận bà Lê Thị Thùy T với ông Huỳnh Trọng N là vợ chồng; Về con chung giao con chung Huỳnh Trọng Đ, sinh ngày 05-3-2015 cho bà Lê Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Huỳnh Trọng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung tự thỏa thuận, nên không xem xét đến. Buộc bà Lê Thị Thùy T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án, HĐXX xác định: Quan hệ pháp luật là "Tranh chấp không công nhận là vợ chồng, nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn hiện đang cư trú tại khu phố x, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện bà Lê Thị Thùy T trình bày giữa bà với ông Huỳnh Trọng N chung sống với nhau vào năm 2002, nhưng không đăng ký kết hôn, còn ông Huỳnh Trọng N trình bày giữa ông với bà Lê Thị Thùy T chúng sống với nhau vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P1, huyện T, nhưng theo biên bản xác minh vào ngày 11-5-2023 tại UBND xã P1, huyện T thì đã tổ chức tìm kiếm hồ sơ lưu trữ đăng ký kết hôn của ông Huỳnh Trọng N và bà Lê Thì Thùy T từ năm 2002 cho đến nay, không tìm thấy hồ sơ đăng ký kết hôn của ông Huỳnh Trọng N và bà Lê Thì Thùy T. Như vậy đủ căn cứ xác định giữa bà Lê Thị Thùy T và ông Huỳnh Trọng N không có đăng ký kết hôn. Bà Lê Thị Thùy T với ông Huỳnh Trọng N sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2002. Mặc dù, theo quy định của pháp luật ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng thực tế từ trước đến nay ông bà không đăng ký kết hôn. Như vậy, .bà Lê Thị Thùy T với ông Huỳnh Trọng N chưa tuân thủ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về việc giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn như sau: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại*

Điều 15 và Điều 16 của Luật này". Đối chiếu với những quy định nêu trên, việc bà Lê Thị Thùy T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với ông Huỳnh Trọng N là có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Bà Lê Thị Thùy T và ông Huỳnh Trọng N đều thừa nhận, ông bà sống với nhau có 02 con chung tên Huỳnh Trọng N1, sinh ngày 26-8-2003 và Huỳnh Trọng Đ, sinh ngày 05-3-2015. Đối với con chung Huỳnh Trọng N1 đã trưởng thành ông, bà không yêu cầu giải quyết, còn đối với con chung Huỳnh Trọng Đ chưa trưởng thành bà Lê Thị Thùy T yêu cầu được nuôi, hiện con chung đang sống với bà Lê Thị Thùy T. Ông Huỳnh Trọng N yêu cầu xét nguyện vọng của con vì con đã trên 07 tuổi. Xét về yêu cầu trực tiếp nuôi con của bà Lê Thị Thùy T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Lê Thị Thùy T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc con chung cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung đã trên 07 tuổi, nguyện vọng được ở với mẹ, vì vậy phải tôn trọng nguyện vọng của con chung; nên giao con chung tên Huỳnh Trọng Đ, sinh ngày 05-3-2015 cho bà Lê Thị Thùy T được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Huỳnh Trọng N không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Lê Thị Thùy T không yêu cầu, là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản, nợ chung: Tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Thùy T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện N tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 246, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "không công nhận là vợ chồng, nuôi con" của nguyên đơn bà Lê Thị Thùy T. Không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị Thùy T với ông Huỳnh Trọng N là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung Huỳnh Trọng Đ, sinh ngày 05-3-2015 cho bà Lê Thị Thùy T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. (Hiện con chung đang sống với bà Lê Thị Thùy T).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Tòa án đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002870, ngày 15-12-2022 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Bà Lê Thị Thùy T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P1, T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Bình

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Ngọc Minh **Lê Thị Hường** **Nguyễn Thanh Bình**